

Số: 04/QĐ-UBND

Quang Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu – chi ngân sách
thị trấn Quang Minh và các khoản thu khác năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN QUANG MINH

Căn cứ vào luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của Hội đồng nhân dân thị trấn Quang Minh về việc phê chuẩn dự toán thu – chi ngân sách nhà nước thị trấn Quang Minh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước thị trấn Quang Minh năm 2024;

Xét đề nghị của Bộ phận Văn phòng - Thống kê; công chức tài chính kế toán thị trấn Quang Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu – chi ngân sách thị trấn Quang Minh và các khoản thu khác năm 2024.

(Chi tiết theo biểu kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND thị trấn, công chức tài chính tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Mê Linh (để b/cáo);
- Phòng TCKH huyện (để b/cáo);
- TTĐU - TTHĐND thị trấn (để b/cáo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Các ban ngành đoàn thể thị trấn (để t/hiện);
- Các tổ trưởng TDP (để t/hiện);
- Lưu VP, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Hiếu

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	10.576.815.000	TỔNG SỐ CHI	10.576.815.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	355.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	3.774.400.000	II. Chi thường xuyên	10.375.815.000
III. Thu bổ sung	6.447.415.000	III. Dự phòng	201.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	6.112.415.000		
- Bổ sung có mục tiêu	335.000.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu	10.576.815.000	10.576.815.000
I	Các khoản thu 100%	355.000.000	355.000.000
1	Phí, lệ phí	125.000.000	125.000.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	150.000.000	150.000.000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác	80.000.000	80.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.774.400.000	3.774.400.000
1	Các khoản thu phân chia	3.774.400.000	3.774.400.000
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.363.200.000	2.363.200.000
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	61.200.000	61.200.000
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.350.000.000	1.350.000.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
2.1	Thu tiền sử dụng đất		
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		
2.3	Thuế tài nguyên		
2.4	Thuế giá trị gia tăng		
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.447.415.000	6.447.415.000
1	Thu bổ sung cân đối	6.112.415.000	6.112.415.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	335.000.000	335.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	10.576.815.000		10.576.815.000
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế	98.838.000		98.838.000
4	Chi văn hóa, thông tin	160.000.000		160.000.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	85.747.000		85.747.000
6	Chi thể dục, thể thao	120.000.000		120.000.000
7	Chi bảo vệ môi trường	150.000.000		150.000.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	544.000.000		544.000.000
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	8.587.552.000		8.587.552.000
10	Chi cho công tác xã hội	378.728.000		378.728.000
11	Chi khác	186.000.000		186.000.000
12	Dự phòng	201.000.000		201.000.000
	Chi dành nguồn thực hiện CCTL	64.950.000		64.950.000
	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau			

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 (năm hiện hành)			KẾ HOẠCH NĂM 2024 (năm sau)		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	130.163	130.163		100.000	100.000	
Hoạt động quỹ công chuyên dùng	130.163	130.163		100.000	100.000	
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	63.700	63.700		50.000	50.000	
- Quỹ vì người nghèo	66.463	66.463		50.000	50.000	

TỔN YH